

CHUYÊN ĐỔI MÔ HÌNH VÀ MỞ RỘNG SINH KẾ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG VEN BIỂN VIỆT NAM

Nguyễn Thị Lan Hương*, Lê Quỳnh Chi †, Trần Thị Mỹ Linh ‡

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 05/02/2021

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 04/8/2021

Ngày bài báo được duyệt đăng: 27/8/2021

Tóm tắt: Mở rộng và chuyển đổi sinh kế tại các làng nghề ven biển đang là một trong những vấn đề quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế biển bền vững ở Việt Nam. Mục tiêu của việc mở rộng và chuyển đổi sinh kế chính là tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống, hạn chế sự phụ thuộc vào tự nhiên, giảm thiểu rủi ro, tăng nguồn tài sản sinh kế và tăng khả năng tiếp cận tới những nguồn tài sản sinh kế ổn định. Việc phát triển làng nghề bền vững sẽ góp phần bảo đảm các vấn đề việc làm và an sinh xã hội trong khi vẫn tạo ra những lợi ích lớn hơn cho việc bảo tồn, duy trì và phát huy các giá trị văn hóa khu vực ven biển đồng thời thúc đẩy việc phát triển du lịch đa dạng, đậm chất vùng miền, đặc sắc, có tính cạnh tranh cao, và tận dụng tối đa thế mạnh của khu vực.

Từ khoá: Sinh kế; phát triển du lịch, khu vực ven biển, làng nghề, chuyển đổi sinh kế

I. Dẫn nhập

Làng nghề ven biển là một trong những nét đặc trưng riêng biệt của nông thôn Việt Nam. Trải qua lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, những nét văn hóa bản địa cũng như những sản phẩm được lưu giữ tại đây vẫn là những điều hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước. Phát triển làng nghề một cách cân đối giữa các hoạt động thương mại và những sinh kế khác góp phần bảo tồn và lưu giữ những giá trị truyền thống của làng nghề truyền thống khu vực ven biển là một

trong những mục tiêu quan trọng của phát triển kinh tế biển bền vững. Việc nghiên cứu và hỗ trợ cộng đồng dân cư khu vực ven biển chuyển đổi và mở rộng sinh kế, phát triển du lịch cần được thực hiện một cách khoa học và phù hợp với thực tế làng nghề nhằm đảm bảo góp phần cải thiện đời sống, chuyển đổi, mở rộng sinh kế bền vững cho các làng nghề truyền thống ven biển có nguy cơ bị đe dọa; góp phần khôi phục, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa các làng nghề truyền thống ven biển Việt Nam; đáp ứng được thực tiễn phát triển hiện nay và có thể giúp cộng đồng

* Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch

† Khoa Du lịch - Trường Đại học Mở Hà Nội

‡ Học viện Chính sách và Phát triển

dân cư ven biển đặc biệt là khu vực làng nghề ven biển duy trì cuộc sống và đảm bảo sinh kế lâu dài, bền vững trong quá trình khai thác các giá trị nguồn lực.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Sinh kế (livelihood)

Sinh kế là một khái niệm thường được hiểu và sử dụng theo nhiều cách và ở những cấp độ khác nhau. Trong nghiên cứu này, thuật ngữ “sinh kế” được sử dụng với ý nghĩa là những phương cách kiếm sống của một cộng đồng, cụ thể là “Sinh kế” được hiểu là những phương thức kiếm sống của những người dân sống trong khu vực ven biển Việt Nam. Những “phương thức kiếm sống” bao gồm các hoạt động kiếm sống theo phương thức cổ truyền (trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy hải sản... và những phương thức kiếm sống mới được hình thành qua quá trình tiếp xúc với các dân tộc lân cận, qua chính sách hỗ trợ và đào tạo nghề của nhà nước cũng như từ sự phát triển nội tại trong hoạt động kinh tế của các làng ven biển Việt Nam. [1]

Sinh kế bền vững: “Một sinh kế được coi là bền vững khi nó có khả năng ứng phó và phục hồi khi bị tác động, hay có thể thúc đẩy khả năng và tài sản ở cả thời điểm hiện tại và trong tương lai trong khi không làm xói mòn nền tảng của các nguồn lực tự nhiên [2].

2.2. Chuyển đổi sinh kế

Việc chuyển đổi sinh kế được thực hiện thông qua các chiến lược sinh kế. Theo cách hiểu chung nhất, chiến lược sinh kế là cách mà con người tiếp cận và sử dụng những tài sản sinh kế trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội, môi trường

cụ thể để đạt được những kết quả sinh kế như mong đợi [3]. Chiến lược sinh kế có thể là ngắn hạn, trung hạn hoặc dài hạn. Chiến lược sinh kế cũng có thể là tự phát, phản ứng hay có kế hoạch. Việc thực hiện những chiến lược như thế nào phụ thuộc rất nhiều vào bối cảnh thực tế, cũng như điều kiện về tài sản sinh kế của các hộ dân tại địa phương. Chiến lược ứng phó phản ứng làm nhiệm vụ đảm bảo sự tiếp cận với nguồn sinh kế, đảm bảo thu nhập, hạn chế sự suy giảm tài sản sinh kế và tác động tiêu cực ngay tức thời nhằm duy trì sự ổn định cho sinh kế người dân trong những tình huống yêu cầu khẩn cấp. Chiến lược ứng phó tự phát diễn ra một cách độc lập, mang tính riêng lẻ, thiếu hệ thống và nằm ở quy mô nhỏ. Chiến lược ứng phó kế hoạch là sử dụng các hành động cụ thể, có chuẩn bị trước để giải quyết những thay đổi từ tác động bên ngoài. Chiến lược ứng phó kế hoạch có nhiệm vụ đảm bảo tính đa dạng, ổn định của những tài sản sinh kế, cũng như việc tiếp cận những tài sản sinh kế của các hộ dân, định hướng cách thức tiếp cận, sử dụng những tài sản sinh kế đó trong những bối cảnh cụ thể nhằm ổn định và phát triển cuộc sống bền vững trong dài hạn.

2.3. Đặc điểm sinh kế của người dân làng nghề ven biển

Làng nghề truyền thống ven biển là một làng ven biển có một nghề hoặc một số nghề thủ công truyền thống được lưu truyền từ lâu đời, có thể tách khỏi hoạt động nông nghiệp. Việc phát triển làng nghề ven biển hiện nay cũng gặp nhiều khó khăn, hạn chế như: phân tán với quy mô nhỏ, khép kín trong phạm vi hộ gia đình; trình độ tay nghề bị mai một do việc chuyển giao công nghệ và truyền nghề

cũng như đào tạo nghề chưa phát huy hiệu quả; các sản phẩm thủ công của làng nghề trong tình trạng yếu sức cạnh tranh hoặc bị các sản phẩm công nghiệp cùng loại thay thế, khó tiêu thụ và phát triển sản xuất... Bên cạnh đó, sinh kế của người dân ven biển chủ yếu dựa vào khai thác hải sản và người dân thường cư trú ở vùng tách biệt và khó khăn. Người dân ven biển thường xuyên phải đối mặt với môi trường dễ bị tổn thương và gặp nhiều rủi ro, nguy hiểm.[4]

Chuyển đổi sinh kế chính là tạo ra động lực để con người dừng các hoạt động sinh kế không bền vững và chuyển sang các hoạt động sinh kế bền vững. Mục tiêu của việc chuyển đổi sinh kế chính là tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống, hạn chế sự phụ thuộc vào tự nhiên, giảm thiểu rủi ro, tăng nguồn tài sản sinh kế và tăng khả năng tiếp cận tới những nguồn tài sản sinh kế ổn định. [5]

III. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp tổng hợp và phân tích: Phương pháp tổng hợp và phân tích được sử dụng giúp cho việc hệ thống hóa những thông tin cần thiết và các vấn đề về lý thuyết chung về sinh kế được lựa chọn phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam trên cơ sở kế thừa và mở rộng những nghiên cứu từ các nguồn tư liệu bao gồm sách chuyên ngành, tạp chí, tài liệu nghiên cứu, khoa học của các tác giả trong nước và quốc tế.

- Phương pháp quan sát và khảo sát thực tế: Nhóm nghiên cứu tiến hành tổ chức khảo sát thực tế tại Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định, Phú Yên và Bà Rịa - Vũng Tàu nhằm đánh giá các điều kiện và hiện trạng phát triển và các sinh kế hiện có của

các làng nghề ven biển trong phạm vi tỉnh và khu vực lân cận và thu thập thông tin, số liệu.

- Phương pháp điều tra xã hội học: Tiến hành điều tra 500 mẫu (trong đó: khách quốc tế: 120 mẫu; khách nội địa: 160 mẫu; cộng đồng: 170 mẫu và cán bộ doanh nghiệp lữ hành có tổ chức các tour du lịch đến các làng nghề ven biển: 50 mẫu) tại các tỉnh, thành phố ven biển.

- Phương pháp chuyên gia: Tham vấn ý kiến 50 chuyên gia du lịch, chuyên gia về nghề truyền thống và các cán bộ thuộc cơ quan quản lý, doanh nghiệp du lịch về các đề xuất hỗ trợ cộng đồng dân cư chuyển đổi, mở rộng sinh kế (Hình thức phỏng vấn, hội thảo).

- Phương pháp thống kê mô tả: phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để mô tả, phân tích số liệu.

- Phương pháp so sánh: Sử dụng nhằm so sánh, đánh giá các chỉ tiêu theo thời gian và không gian.

IV. Kết quả và thảo luận

Tổng quan về thực trạng sinh kế gắn với phát triển du lịch tại các làng nghề truyền thống ven biển Việt Nam

Theo thống kê của Hiệp hội làng nghề Việt Nam, cả nước có 5.411 làng nghề và làng có nghề trong đó có gần 2000 làng nghề đã được công nhận, trên 400 làng nghề truyền thống với hơn 53 nhóm nghề. Trong số các làng nghề, ở vùng ven biển có trên 150 làng nghề đại diện cho các nghề truyền thống, trong đó rất nhiều nghề có giá trị du lịch [6]. Nhiều sản phẩm làng nghề truyền thống được khai thác phục vụ du lịch không chỉ như là các mặt hàng lưu niệm mà còn có giá trị về văn hoá, sẽ

là cơ sở, là các điểm để phục vụ khách du lịch đến tham quan, tìm hiểu văn hóa làng nghề ven biển. Một sản phẩm du lịch cũng được du khách hết sức quan tâm đó là sản phẩm gia tăng trải nghiệm văn hóa địa phương, hoạt động du lịch làng nghề đang là lựa chọn hấp dẫn của nhiều doanh nghiệp du lịch và các điểm đến. Các hoạt động du lịch gắn với làng nghề tại các khu vực ven biển Việt Nam hiện nay chủ yếu bao gồm:

- Tham quan các làng nghề truyền thống;

- Tham gia các lễ hội truyền thống của làng nghề (vào các dịp có lễ);

- Tìm hiểu quy trình sản xuất (sản xuất muối, nước mắm, dẹt, bánh kẹo, hàng hóa, thủ công mỹ nghệ...);

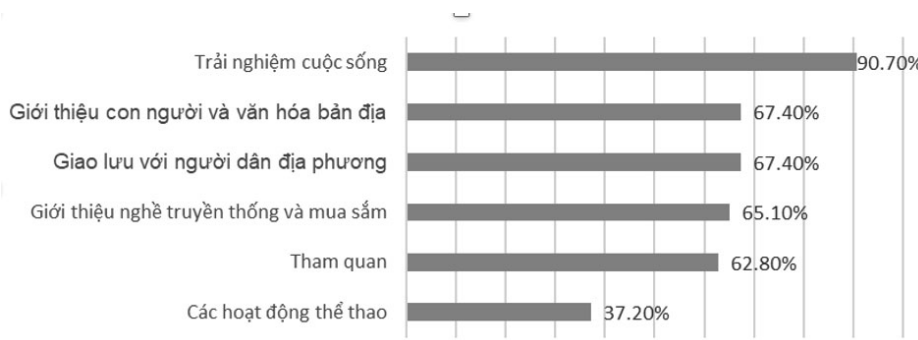
- Thử trực tiếp làm các sản phẩm truyền thống;

- Thưởng thức chương trình biểu diễn nghệ thuật truyền thống;

- Thưởng thức các món ăn, đồ uống tại các làng (nêm thử, bữa nhẹ, bữa...);

- Mua sắm các sản phẩm, hàng hóa của các làng nghề. (Biểu đồ 1)

Biểu đồ 1: Hoạt động du lịch mà doanh nghiệp có thể tổ chức tại làng nghề truyền thống ven biển

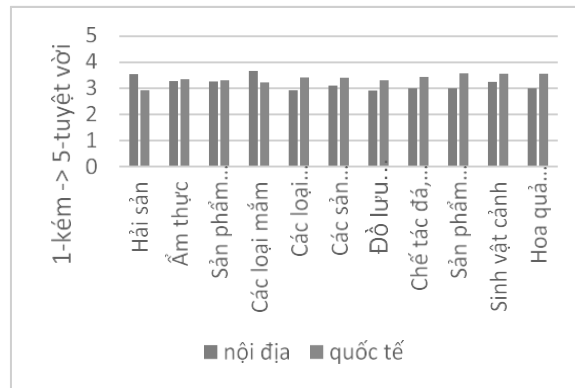


Theo thông tin các doanh nghiệp lữ hành có tổ chức các sản phẩm du lịch làng nghề ven biển, một chương trình du lịch tại làng nghề thường kéo dài 1-2 tiếng trong một tour tham quan trọn gói, hoặc có thể đến nửa ngày nếu khách đi tự túc và tự trải nghiệm. Một số hoạt động du lịch làng nghề thường tập trung chủ yếu vào trải nghiệm cuộc sống (90,7% cán bộ doanh nghiệp lữ hành được hỏi), giới thiệu con người và văn hóa bản địa (67,4%), giao lưu với người dân địa phương (65%), giới thiệu về nghề truyền thống và mua sắm (65,1%, tham quan 62,8%. Các hoạt động thể thao còn ở con số khá khiêm tốn đó là 37,2%. Nguyên nhân chủ yếu có thể kể đến là thiếu trang thiết bị, thiếu kỹ

Nguồn: Tổng hợp của các nhóm nghiên cứu năng phục vụ, đảm bảo an toàn cho người tham gia, thiếu cơ sở vật chất.

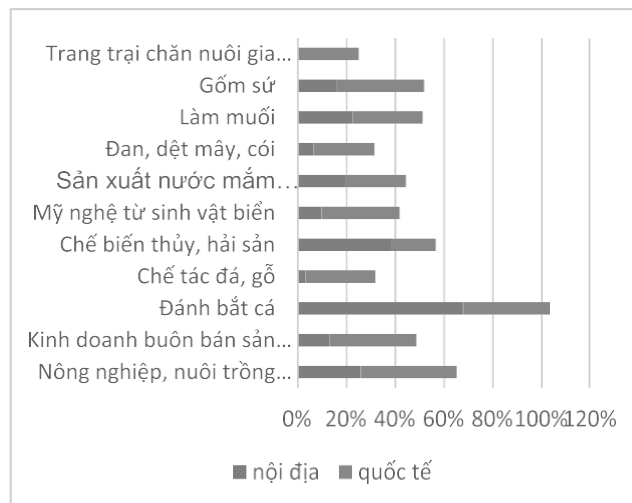
Hoạt động du lịch chủ yếu tại các làng nghề ven biển hiện chỉ giới hạn ở các hoạt động như tham quan, thưởng thức đặc sản, trải nghiệm nghề truyền thống... chưa thực sự tạo ra nhiều trải nghiệm thu hút khách du lịch và khiến họ phải chi tiêu nhiều hơn. Các sản phẩm đặc sản, hàng hoá truyền thống bán cho khách tại các làng nghề cũng còn đơn điệu với phương thức đóng gói chưa hấp dẫn, chưa thể hiện được bản sắc và thương hiệu của làng, nhiều hàng hoá lưu niệm không hướng tới khách du lịch nên còn cồng kềnh, dễ vỡ khiến họ khó có thể mua và mang về qua vận chuyển hàng không (biểu đồ 2).

Biểu đồ 2: Đánh giá của khách du lịch đối với những sản phẩm làng nghề truyền thống ven biển



Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu

Biểu đồ 3: Ấn tượng của khách du lịch với nghề truyền thống tại các làng nghề truyền thống ven biển



(Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu)

Ấn tượng của khách du lịch đối với các sản phẩm từ các nghề truyền thống chưa thật sự sâu sắc chủ yếu tập trung vào các sản phẩm thương thức ẩm thực thủy hải sản. Hoạt động du lịch gắn với các làng nghề hiện mới chỉ được khai thác ở mức độ hạn chế bởi nhiều làng nghề không còn giữ được lối sản xuất truyền thống hoặc sản xuất chỉ còn ở vài hộ gia đình nên không còn nhiều hoạt động đặc sắc để khách du lịch có thể tham quan, tìm hiểu. Ngoài ra, vấn đề nghiêm trọng nhất của các làng ven biển là vấn đề môi

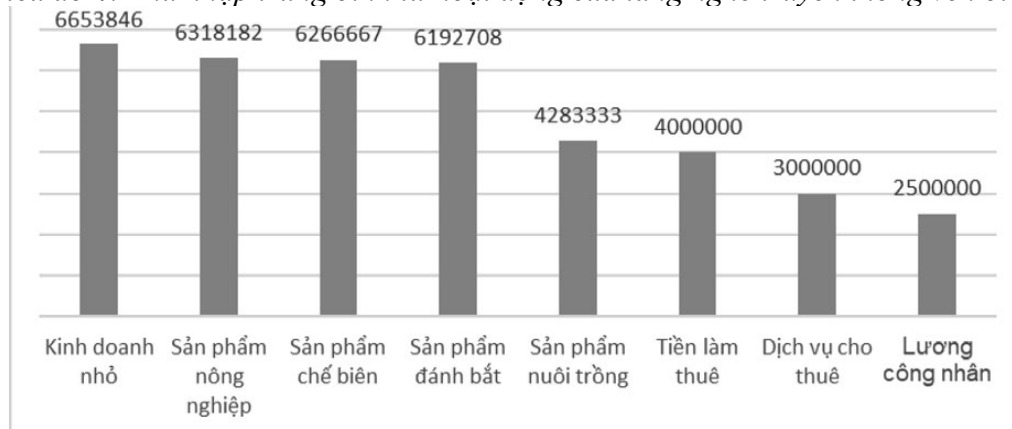
trường. Các thảm họa môi trường đang diễn ra trên diện rộng với mức độ ngày càng nghiêm trọng nên để lựa chọn được một điểm đến cho khách cũng không đơn giản (biểu đồ 3)

Hạn chế về tài chính, trình độ chuyên môn và giáo dục có ảnh hưởng không nhỏ. Kinh tế hộ nông dân giảm sút, bị phụ thuộc, khả năng tích lũy vốn thấp khó tìm thấy cơ hội trong việc cải thiện sinh kế truyền thống và tham gia các hoạt động kinh tế trong khu vực. Ngoài ra, việc diễn giải về giá trị truyền thống, văn hoá

bản địa, câu chuyện lịch sử... về các nghề truyền thống tại các điểm đến du lịch làng nghề ven biển còn rất hạn chế, hiện mới chỉ phụ thuộc vào thuyết minh của hướng dẫn viên, hoặc một vài lời giải thích của

cộng đồng khi khách tới tham quan. Vì vậy, việc truyền đạt về văn hoá truyền thống và đời sống của người dân chưa thực sự hiệu quả, làm giảm giá trị của hoạt động du lịch này.

Biểu đồ 4: Thu nhập trung bình từ hoạt động của làng nghề truyền thống ven biển



Các tour du lịch riêng đến các làng nghề cũng chưa có nhiều và việc hỗ trợ của chính quyền địa phương trong phát triển các hoạt động du lịch này chưa thực sự hiệu quả. Các làng truyền thống ven biển có khách du lịch đến thăm chủ yếu nhờ vào một số công ty lữ hành đưa khách đến, hoặc khách du lịch, đặc biệt là du lịch phượt, tự tìm hiểu về làng và tới tham quan, chụp ảnh, chia sẻ trên mạng xã hội. Hoạt động xúc tiến quảng bá về du lịch tại các địa phương ven biển hầu như chỉ tập trung vào nghỉ dưỡng, du lịch biển mà chưa đề cập nhiều tới hoạt động du lịch văn hoá đặc sắc và giàu tiềm năng này.

Như vậy có thể thấy, sản phẩm du lịch biển của các tỉnh thuộc vùng ven biển cũng đa dạng thu hút khách du lịch ở hầu hết mọi phân khúc thị trường, từ khách du lịch nghỉ dưỡng, đến khách du lịch ưa mạo hiểm, từ khách du lịch ở lứa tuổi thanh thiếu niên đến những du khách cao tuổi, từ khách du lịch tự túc đến khách theo đoàn,

Nguồn: Tổng hợp từ các nhóm nghiên cứu từ khách du lịch với mục đích nghỉ ngơi giải trí đến khách du lịch công vụ.

Một số định hướng trong mở rộng và chuyển đổi sinh kế làng nghề truyền thống ven biển

Trên cơ sở nghiên cứu và đánh giá thực trạng, **nhóm đối tượng cần ưu tiên phát triển sinh kế** trong phạm vi khu vực làng nghề truyền thống bao gồm: Phụ nữ chủ hộ gia đình; Nhóm có thu nhập thấp (những dân chài theo nghề truyền thống); Nhóm hộ kinh doanh và sản xuất nhỏ và siêu nhỏ sản phẩm truyền thống trong khu vực.

Cũng theo điều tra của nhóm nghiên cứu, các **nhóm ngành nghề cần được ưu tiên mở rộng và phát triển** bao gồm: Sản xuất sản phẩm địa phương kết hợp với cung cấp dịch vụ du lịch; Vận chuyển khách tham quan bằng thuyền; Dịch vụ homestay, cho thuê nhà ở và chế biến ẩm thực địa phương; Các hoạt động biểu diễn nghệ thuật, văn hóa, và đặc biệt là các hoạt

động văn hóa giới thiệu nghề truyền thống và các sản phẩm của làng nghề.

Về chính sách phát triển sinh kế

Chính sách phát triển sinh kế bao gồm chính sách dài hạn và chính sách cấp bách ngắn hạn và cần được thể hiện trong chiến lược, quy hoạch, các chương trình, đề án phát triển du lịch biển ở Việt Nam. Chính sách phải đảm bảo khuyến khích, huy động tập trung nguồn lực, khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh. Bảo tồn và phát huy được những giá trị truyền thống, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Phát triển du lịch biển, đảo và vùng ven biển nhanh và bền vững đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế; Cần ưu tiên phát triển du lịch biển chất lượng cao; phát triển du lịch biển phải luôn gắn với mục tiêu đảm bảo an ninh quốc phòng; phát triển du lịch biển phải được đặt trong quan hệ phát triển tổng thể chung về kinh tế - xã hội của vùng ven biển và phù hợp với Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 36-NQ/TW).

Về nâng cao năng lực của cộng đồng

Cơ bản, nâng cao năng lực của cộng đồng cần đạt được các tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển; hình thành văn hoá sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển và biển xâm thực; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng; ứng dụng những thành tựu khoa học mới, tiên tiến, hiện đại trở thành nhân tố trực tiếp thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển.

Về sự tham gia của các thành phần kinh tế trong cộng đồng ven biển

Việc tham gia của các thành phần kinh tế trong cộng đồng ven biển đóng vai trò tích cực trong việc thúc đẩy kinh tế địa phương theo hướng cân bằng lợi ích và trách nhiệm của các bên tham gia. Chiến lược phát triển kinh tế du lịch biển cần chú trọng đầu tư hạ tầng du lịch; khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế, đặc biệt là các hộ kinh doanh vừa và nhỏ tham gia phát triển du lịch sinh thái, thám hiểm khoa học, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm, sáng tạo...

Về phát triển sản phẩm du lịch gắn với mở rộng và chuyển đổi sinh kế

Xây dựng, phát triển, đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử đặc sắc của các vùng, miền. Hỗ trợ, tạo điều kiện để người dân ven biển chuyển đổi nghề từ các hoạt động có nguy cơ xâm hại, tác động tiêu cực đến biển sang bảo vệ, bảo tồn, tạo sinh kế bền vững, việc làm mới ổn định, nâng cao thu nhập cho người dân.

Định hướng phát triển làng nghề theo hướng kết hợp phát triển du lịch:

- Là điểm trải nghiệm, giao lưu với địa phương;
- Là địa điểm lưu giữ và mô phỏng nghề truyền thống;
- Là địa điểm tham quan kết hợp với mua sắm.

Định hướng làng nghề tham gia hoạt động du lịch phân theo nghề truyền thống cụ thể:

- Làng chế biến thủy hải sản: Trải nghiệm du lịch kết hợp ẩm thực và giới thiệu đặc sản địa phương;

- Làng thủ công mỹ nghệ: trải nghiệm nghề truyền thống, tham gia sản xuất, giới thiệu sản phẩm và quy trình công nghệ thủ công, giới thiệu và trưng bày sản phẩm;

- Làng chế biến đặc sản địa phương: trải nghiệm kết hợp giới thiệu đặc sản địa phương, giới thiệu trưng bày sản phẩm;

- Làng chài truyền thống: giới thiệu nghề cá và trải nghiệm bản địa;

- Làng sản xuất chế biến sản phẩm từ biển (muối, mắm...): Trải nghiệm, giới thiệu quy trình sản xuất và trưng bày sản phẩm;

- Làng hoa, cây cảnh: trải nghiệm không gian làng nghề kết hợp bán các sản phẩm sinh vật cảnh khu vực biển.

V. Kết luận

Sự phát triển du lịch gắn với cộng đồng ven biển có nhiều cơ hội và thách thức, trong đó mối quan tâm chủ yếu của cộng đồng là nguồn tài nguyên hải sản và nguồn nhân lực đang cần được quản lý để phát triển bền vững. Khu vực ven biển đặc biệt là các làng nghề truyền thống cũng cần có những chiến lược rõ ràng hơn để phục vụ khách du lịch và đóng góp nhiều hơn cho kinh tế địa phương. Nhiều yếu tố mới phát sinh trong giai đoạn phát triển của hàng hóa, công nghệ, thị hiếu của người tiêu dùng... đã và đang tác động tới khu vực ven biển của Việt Nam đòi hỏi mỗi làng, mỗi vùng cần nghiên cứu phát triển sản phẩm đặc thù dựa trên thế mạnh của mình, giải quyết vấn đề khó khăn về nguyên liệu, nâng quy mô sản xuất, mẫu mã, chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch cũng như những khó khăn trong việc tìm ra sinh kế mới thích ứng với thời kỳ mới.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Lương Thị Thu Hằng, Đề tài KH&CN cấp quốc gia: Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến nhóm người nghèo ở Bắc bộ Việt Nam và đề xuất các giải pháp giảm thiểu biến đổi khí hậu, *Viện Nghiên cứu pháp triển bền vững Vùng*, (2015).

[2]. Đỗ Thị Hiệp, Nguyễn Văn Song, Chiến lược sinh kế ứng phó biến đổi khí hậu vùng ven biển: Lý luận và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. *Tạp chí kinh tế và phát triển*, số 229 (II), tháng 7 năm 2016, tr. 2 – 10.

[3]. Trần Thọ Đạt và Nguyễn Hoài Thu, Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển. *Diễn đàn phát triển Việt Nam*. NXB Giao thông vận tải, Hà Nội (2012)

[4]. Lê Anh, “Phát triển làng nghề trong bối cảnh hội nhập”, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, đăng trên website: <http://www.dangcongsan.vn/kinh-te-va-hoi-nhap/phan-trien-lang-nghe-truyen-thong-trong-boi-can-hoi-nhap-475767.html>.

[5]. Viện Chính sách và Chiến lược phát triển Nông nghiệp nông thôn, Báo cáo tóm tắt “Các nhân tố hỗ trợ và cản trở hộ nghèo tiếp cận các nguồn vốn sinh kế để giảm nghèo bền vững”, (2018).

[6]. Vũ Quốc Tuấn, Một số giải pháp nhằm phát triển du lịch làng nghề ở Việt Nam, *Tạp chí Tổng quan Kinh tế - Xã hội Việt Nam*. (02/2019).

[7]. Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch, Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ “Hỗ trợ cộng đồng dân cư khu vực ven biển chuyển đổi sinh kế, phát triển du lịch”, (2019).

[8]. Nghị quyết số 36-NQ/TW.

[9]. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Địa chỉ tác giả: Khoa Du lịch - Trường Đại học Mở Hà Nội.

Email: chilq@hou.edu.vn